

Số: 426/QĐ-UBND

Gia Lộc, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp
giáo viên trung học cơ sở

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;
Căn cứ Quyết định số 2115/2006/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành quy định về quản lý công tác tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở đối với 365 giáo viên các trường Trung học cơ sở thuộc huyện (có danh sách kèm theo), cụ thể như sau:

1. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.10) đối với 06 giáo viên hiện đang giữ ngạch giáo viên trung học cao cấp (mã số 15.112) kể từ ngày 01/01/2018.

2. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11) đối với 296 giáo viên hiện đang giữ ngạch giáo viên trung học cơ sở chính (mã số 15a.201) kể từ ngày 01/01/2018.

3. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12) đối với 63 giáo viên hiện đang giữ ngạch giáo viên trung học cơ sở (mã số 15a.202) kể từ ngày 01/01/2018.

Hiệu trưởng các trường có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở được bổ nhiệm.

Điều 2. Xếp lương:

1. Chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2 (từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38).

2. Chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 (từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98).

3. Chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 (từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89).

Bậc lương, hệ số lương và thời điểm tính nâng bậc lương lần sau của từng giáo viên được bổ nhiệm chức danh giáo viên trung học cơ sở hạng I, II, III là bậc lương, hệ số lương và thời điểm tính nâng bậc lương lần sau của ngạch giáo viên trung học cao cấp, trung học cơ sở chính, trung học cơ sở tương ứng hiện hưởng của từng giáo viên.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Nội vụ, Tài chính-Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo huyện; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Các trường Trung học cơ sở và các ông, bà có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./. *du*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP.



CHỦ TỊCH

Lê Văn Tuấn

UBND HUYỆN GIA LỘC

DANH SÁCH GIÁO VIÊN CHUYÊN NGẠCH VIÊN CHỨC SANG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Đơn vị: Trường Trung học cơ sở Hồng Hưng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND huyện Gia Lộc)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Vị trí việc làm đang đảm nhiệm	Trình độ chuyên môn	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Ngạch viên chức hiện giữ		Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp		Ghi chú
						Tên ngạch	Mã số	Chức danh nghề nghiệp	Mã số theo chức danh nghề nghiệp	
I	Giáo viên được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học cơ sở hạng II; mã số V.07.04.11									
1	Nguyễn Đình Tú	25/12/1975	Hiệu trưởng	Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS chính	15a.201	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	
2	Phạm Thị Thuyên	01/9/1968	Phó Hiệu trưởng	Đại học	Sư phạm Sinh-KTNN	Giáo viên THCS chính	15a.201	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	
3	Tô Quang Minh	10/5/1968	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS chính	15a.201	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	
4	Nguyễn Thị Vân	02/10/1976	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Toán học	Giáo viên THCS chính	15a.201	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	
5	Phạm Văn Hiệu	03/7/1978	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS chính	15a.201	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	
6	Phạm Văn Hạnh	10/12/1978	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Vật lý	Giáo viên THCS chính	15a.201	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	
7	Đoàn An Dương	16/9/1981	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Hoá học	Giáo viên THCS chính	15a.201	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	
8	Vũ Hữu Luyện	12/10/1971	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Thể dục thể thao	Giáo viên THCS chính	15a.201	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	
9	Nguyễn Thị Liên	10/10/1980	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Kỹ thuật	Giáo viên THCS chính	15a.201	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	
10	Phạm Thị Thuý	19/02/1974	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Giáo viên THCS chính	15a.201	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	
11	Bùi Quốc Luật	12/01/1978	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Văn	Giáo viên THCS chính	15a.201	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	
12	Hà Thị Thản	20/10/1979	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Địa lý	Giáo viên THCS chính	15a.201	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	
13	Nguyễn Thị Nhấn	01/6/1979	Giáo viên	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Giáo viên THCS chính	15a.201	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	
II	Giáo viên được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên Trung học cơ sở hạng III; mã số V.07.04.12									
1	Nguyễn Thị Tường	12/8/1968	Giáo viên	Cao đẳng	Sư phạm Toán	Giáo viên THCS	15a.202	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
2	Phạm Thị Mai Xoa	16/02/1988	Giáo viên	Cao đẳng	Sư phạm Lý-KTCN	Giáo viên THCS	15a.202	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	